TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**11**/2019/HS-ST
Ngày: 22-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Hải Long

ÔngTrương Hữu Tính

-Thư ký phiên tòa:Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng–Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà:Bà Hoàng Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số145/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số147/2018/QĐXXST-HS ngày 25tháng 10 năm 2018đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Trà G,sinh ngày 05 tháng 9 năm 1979; Nơi sinh: Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh V (chết) và bà Nguyễn Thị N; Chồng: ông Nguyễn Tài L (chết); Chồng: ông Nguyễn Vĩnh M; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh ngày 16/12/2016;Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 31/3/2018 đến ngày 09/4/2018 được trả tự do và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị bắt tạm giam ngày 31/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an thành phố Đ.*(Có mặt)*

*-Bị hại:*Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969;

Nơi thường trú: đường N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nơi tạm trú: đường T, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

*-Người làm chứng:*Bà Lê Thị H. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10 (âm lịch) năm 2017, Nguyễn Thị Trà G từ Nghệ An vào Thành phố Hồ Chí Minh để kiếm việc làm. Do không có việc làm, G đã mua một bộ quần áo dành cho người tu hành Phật giáo để mặc đóng giả là người tu hành với mục đích đi bán nhang và tăm để kiếm lời. Trong quá trình đi bán nhang tại chợ T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, G gặp và quen biết một người phụ nữ tên L (không rõ lai lịch, địa chỉ) cũng là người giả mặc đồ tu hành để bán nhang, tăm giống như G. Sau đó, L có nói với G là ở thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng có một phật tử tên H thường mua nhiều nhang của L và cho L tiền. L rủ G lên thành phố Đ để bán nhang cho bà H thì G đồng ý. Ngày 05/01/2018, L và G đi xe khách đến thành phố Đ. Khoảng 11 giờ cùng ngày, cả hai mặc đồ giả người tu hành, đi vào quán tạp hoá mua 10 bó nhang rồi đến nhà bà Nguyễn Thị H ở địa chỉ đường T, phường G, thành phố Đ. Khi đến nhà, bà H đi vắng nên L đã gọi điện thoại cho bà H, khoảng 20 phút sau bà H về và cả ba ngồi nói chuyện ở phòng khách. Khi nói chuyện thì L tự xưng có pháp danh là "HP" và giới thiệu với bà H, G là người tu hành từ Ấn Độ về, có pháp danh "DN", cả hai đang tu hành tại một chùa ở huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do trước đây, bà H đã quen biết và thường mua nhang, tăm của L nên tin tưởng. Sau đó, cả ba lên phòng thờ nhà bà H tiếp tục nói chuyện. Trong lúc nói chuyện, G nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà H nên có nói với bà H là "Chùa xây xong cần tiền đáo hạn ngân hàng, chị H có tiền cho vay 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng, khoảng một tuần sẽ trả". Lúc này, mặc dù không bàn bạc trước nhưng L cũng nói phụ hoạ theo. Do tin tưởng nên bà Hđồng ý rồi mời cả hai đi ăn cơm chay và đi uống nước ở quán P tại đường N, phường A, thành phố Đ. Bà H nói cả hai ngồi đợi và đi rút tiền ngân hàng rồi quay lại quán đưa cho G và L số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng. Lúc này, G tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà H nên nói bà H cho vay thêm 100.000.000 (một trăm triệu) đồng để sữa chữa, tu bổ chùa thì bà H đồng ý và đưa thêm cho G và L100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Sau khi nhận tiền từ bà H thì G và L bắt xe về lại thành phố H và chia nhau số tiền trên. Đến sáng ngày 06/11/2018, L đến phòng trọ của G ở thị xã T, tỉnh Bình Dương. Lúc này, bà H gọi vào số điện thoại 0964.925.104 (là số mà L và G sử dụng để liên lạc với bà H) để hỏi thăm thì cả hai vẫn nói dối là chùa đang xây. Cùng ngày, G tiếp tục dùng số điện thoại trên gọi điện và nhắn tin nói dối với bà H là chùa cần tiền thỉnh chuông, thỉnh tượng để vay thêm của bà H số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng thì bà H đồng ý cho vay thêm số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng. G chỉ cách cho bà H bỏ tiền mặt vào bên trong thùng rau và gửi qua nhà xe T cho G. Khoảng 10 giờ, ngày 07/01/2018, L đến nhà xe T tại thành phố H nhận thùng rau bên trong có số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng do bà H gửi xuống rồi mang về phòng trọ của G. G và L chia đôi số tiền trên, mỗi người nhận 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng rồi cả hai tắt điện thoại. Do không liên lạc được với G và L nên ngày 09/01/2018, bà H đã trình báo sự việc đến Cơ quan Công an thành phố Đ. Đến ngày 30/03/2018, khi G đang ở thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thì bị bà H phát hiện,bắt giữ đưa đến Cơ quan Công an. Tại cơ quan điều tra, G đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình nêu trên.

Tang vật thu giữ:

- 01 túi nylon màu đỏ bên trong có 01 mũ len màu nâu, 01 áo dài (áo tràng) màu lam, 01 áo ngắn màu lamvà 47 bó nhang; 02 tờ giấy giới thiệu lưu hành màu vàng được ép nhựa có dấu đỏ của Giáo hội Phật giáo chùa M, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, 01 thẻ chứng ni được ép nhựa có dấu đỏ của Giáo hội Phật giáo tỉnh Lâm Đồng, 02 tờ giấy giới thiệu lưu hành màu vàng (trong đó có 01 cái được ép nhựa) có dấu đỏ của Giáo hội Phật giáo tỉnh Quảng Trị.

- 01 giỏ xách màu đen kích thước 20x20cm, bên trong có: 78.500.000 (bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng tiền mặt, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu đen số IMEI: 352711044466528;01 điện thoại di động hiệu Philips E105 màu đen số IMEI: 864383032139797.

- 01 giỏ xách da màu đen kích thước 15x20cm, bên trong có: 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro màu hồng, số IMEI:356202093399279; 01 vòng tay bằng đá màu xanh (niêm phong) và số tiền mặt 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị H bị bị cáo G và đối tượng tên L chiếm đoạt tổng số tiền 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Bị cáo G và gia đình đã bồi thường cho bà H số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Bà H yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà số tiền còn lại.

Cáo trạng số 141/CT-VKS ngày 24/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Thị Trà G về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà,

Bị cáo Nguyễn Thị Trà G đã khai nhận: Ngày 05/01/2018, đối tượng tên L rủ bị cáo lên nhà bà Nguyễn Thị H, ở địa chỉ đường T, phường G, thành phố Đ để bán nhang cho bà H. Khi đến nơi, cả hai mặc quần áo dành cho người tu hành ở chùa mà cả hai đã chuẩn bị sẵn để giả là người đang tu hành thật và vào quán tạp hoá mua nhang rồi đến nhà bà H. Khi nói chuyện với bà H thì G và L đã dùng thủ đoạn gian dối để bà H tin tưởng cả hai là người tu hành và cần tiền để chùa đáo hạng ngân hàng và sửa chữa để hỏi vay và chiếm đoạt của bà H số tiền 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng. Ngày 06/01/2018, G và L tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối gọi điện, nhắn tin làm cho bà H tin tưởng chùa của L và G cần thêm tiền thỉnh chuông, thỉnh tượng để vay thêm và chiếm đoạt tiếp của bà H số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng, sau đó cả hai chia nhau số tiền trên và tiêu xài cá nhân. Bị cáo xác định nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt ,tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng. Bị cáo xác định số tiền mặt 78.500.000 (bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng mà Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo là tiền mà bị cáo chiếm đoạt của bà H. Bị cáo khai nhận đối tượng L có họ tên là Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, hiện cư trú tại Xóm I, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Bị hại bà H thừa nhận lời khai của bị cáo G là đúng. Bà H xác định bị cáo G và gia đình đã bồi thường cho bà số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bà yêu cầu bị cáo G tiếp tục bồi thường cho bà số tiền còn lại.

Đại diện Viện kiểmsát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội và tranh luận đối với bị cáo: Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Thị Trà G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, biên bản xác định hiện trường, tang vật thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án.Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo,đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Trà G phạm tội*"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015: đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 - 09 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị trả lại cho bị hại số tiền 78.500.000 (bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng thu giữ của bị cáo G; tịch thu tiêu huỷ 01 túi nylon màu đỏ,01 mũ len màu nâu, 01 áo dài (áo tràng) màu lam, 01 áo ngắn màu lam, 47 bó nhang,04 tờ giấy giới thiệu lưu hành màu vàng, 01 thẻ chứng ni. Trả lại cho bị cáo G01 giỏ xách màu đen kích thước 20x20cm, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Philips E105 màu đen nhưng tiếp tục tạm giữ 02 điện thoại này để đảm bảo thi hành án; Giao lại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ 01 giỏ xách da màu đen kích thước 15x20cm; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro màu hồng; 01 vòng tay bằng đá màu xanh và số tiền mặt 6.000.000 (sáu triệu) đồng để tiếp tục điều tra xác minh làm rõ và xử lý sau.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 271.500.000 (Hai trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Tại phiên toà, bị cáo khai họ tên nơi cư trú của đối tượng L nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên chưa có căn cứ, do đó đề nghị kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ nếu có căn cứ sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà

phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản xác định hiện trường, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Mặc dù không phải là người tu hành nhưng ngày 05/01/2018, bị cáo Nguyễn Thị Trà G cùng đối tượng tên L (không rõ lai lịch, địa chỉ) mặc đồ tu hành giả làm người tu hành của Phật giáo và đến nhà của bà Nguyễn Thị H tại địa chỉ đường T, phường G, thành phố Đ, dùng thủ đoạn gian dối làm cho bà H tin tưởng bị cáo và L là người đang tu hành và cần tiền cho việc xây dựng, sửa chữa chùa ở huyện L, tỉnh Đồng Nai để vay và chiếm đoạt của bà H số tiền 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng. Đến ngày 06/01/2018, bị cáo G và L tiếp tục sử dụng thủ đoạn gian dối làm cho bà H tin tưởng chùa cần tiền thỉnh chuông, thỉnh tượng để chiếm đoạt tiếp của bà H số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng. Tổng số tiền bị cáo G và L chiếm đoạt của bà H là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Hành vi của bị cáo G thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định điểm a khoản 3 Điều 174Bộ luật hình sự năm 2015 mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo G là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dốiđể chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật hình sự nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân, lợi dụng lòng tin, sự tín ngưỡng của bị hại mà bị cáo đã cố ý thực hiện nhiều lần và chiếm đoạt của bị hại số tiền lớn là thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật. Việc bị cáo bị phát hiện, bắt giữ là ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nên phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất hành vi mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

Bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại nên áp dụng điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện bị cáo là lao động tự do, không có việc làm ổn định, thường xuyên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Xét thấy:

- Số tiền 78.500.000 (bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng tiền mặt thu giữ của bị cáo G là số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà H nên trả lại cho bà H.

- 01 túi nylon màu đỏ, 01 mũ len màu nâu, 01 áo dài (áo tràng) màu lam, 01 áo ngắn màu lam, 47 bó nhang, 04 tờ giấy giới thiệu lưu hành màu vàng, 01 thẻ

chứng nithu giữ của bị cáo không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

- 01 giỏ xách màu đen kích thước 20x20cm;01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Philips E105 màu đenlà tài sản hợp pháp của bị cáo nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ 02 chiếc điện thoại này để đảm bảo thi hành án.

- 01 giỏ xách da màu đen kích thước 15x20cm, 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro màu hồng, số IMEI:356202093399279, 01 vòng tay bằng đá màu xanh (niêm phong) và số tiền mặt 6.000.000 (sáu triệu) đồngbị cáo khai của một người tên O, hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ, xét thấy không liên quan đến vụ án nêngiao lại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt để tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và bà H được nhận lại số tiền 78.500.000 (bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng nói trên nên buộc bị cáo G có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho bà H số tiền còn lại là 271.500.000 (Hai trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn) đồng.

[8] Trong vụ án này có đối tượng tên L có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo G. Tại phiên toà, bị cáo G khai đối tượng L có họ tên là Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, hiện cư trú tại Xóm I, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên chưa có cơ sở xem xét trong vụ án này. Kiến nghị Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ nếu có căn cứ sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố:Bị cáo Nguyễn Thị Trà G phạm "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt Nguyễn Thị Trà G 08 (tám) năm tù,thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2018 (được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 31/3/2018 đến ngày 09/4/2018).

3.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, các Điều 584, 585, 586,587 và Điều 589 Bộ luật dân sựnăm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Trà G tiếp tục bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 271.500.000 (Hai trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bồi thường nói trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 78.500.000 (bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/11/2018 và biên lai thu tiền số AA/2017/0001203 ngày 09/11/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).*

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Trà G 01 (một) giỏ xách màu đen kích thước 20cm x 20cm, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model 1202, số IMEI: 352711044466528; 01 (một) điện thoại di động hiệu Philips màu đen E105, số IMEI: 864383032139797 nhưng tiếp tục tạm giữ 02 chiếc điện thoại này để đảm bảo thi hành án.

-Tịch thu tiêu huỷ 01(một) túi ny lông màu đỏ, bên trong có: 01(một) mũ len màu nâu, 01(một) áo dài màu lam (áo tràng), 01(một) áo ngắn màu lam, 04 (bốn) giấy giới thiệu lưu hành,01 (một) thẻ chứng ni, 47 (bốn mươi bảy) bó nhang.

- Giao lại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ01 (một)giỏ xách da màu đen, kích thước 15cm x20cm, bên trong có: 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro màu hồng, số IMEI:356202093399279 (không gắn sim điện thoại); 01 (một) vòng tay bằng đá màu xanh (đã được niêm phong) và số tiền mặt 6.000.000 (sáu triệu) đồng để tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/10/2018 và biên lai thu tiềnsố AA/2017/0001230 ngày 16/01/2019giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

5.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Trà G phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 13.575.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Kiến nghị Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tiếp tục xác minh đối tượng L có họ tên là Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, hiện cư trú tại Xóm I, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An để điều tra làm rõ, nếu có căn cứ sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đ;
- THADS TP. Đ;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lệ Quyên